

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

NGUYỆT-SAN



SỐ 25 VÀ 26 ĐẶC SAN KỶ-NIỆM MỞ ĐẦU NĂM THỨ BA

TỔNG-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM XUẤT-BẢN



MỤC LỤC



*Phật-giáo Việt-nam bước sang
năm thứ ba* P.G.V.N.

*Chân-lý không nằm trong
văn-tự, danh-ngôn* Thạc-Đức

*Ngài Huyền-Trang đi Ấn-độ
thỉnh Kinh (tiếp theo)* Dương-đình-Phúc

Bản-ngã là gì? Tuệ-Uyển

Vì sao cần thống-nhất Phật-giáo Việt-nam Trọng-Đức

*Cuộc phỏng-vấn của Nguyệt-san P.G.V.N.
về vấn-đề thống-nhất* Thích Đức-Nhuận

Kế-hoạch thống-nhất nghi-lễ Thích Tâm-Châu

Chia gia-tài (Mẩu chuyện Đạo) Thích Tâm-Thọ

Tài-liệu Gia-đình Phật-tử (tiếp theo) Nguyễn-khắc-Từ

Cần hiểu đúng-đắn ý-nghĩa Gia-đình Phật-tử Hùng-Khanh

Hai ngọn lửa (Truyện ngắn) Minh-Hữu

Đạo Phật tại Mỹ Viên-Minh

Cội Phúc (Truyện ngắn được giải khuyến-khích) Lê-Văn

Tin-tức — Hộp thư Tòa-soạn.



PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

BƯỚC SANG NĂM THỨ BA

Với số 25 và 26 Phật-giáo Việt-Nam Nguyệt-san bước sang năm thứ ba.

Trước khi bước những bước tiến mới, chúng ta hãy tạm dừng lại, nhìn lui con đường vừa qua để rút những bài học kinh-nghiệm ngô-hầu tiến tới một cách manh-mẽ, tránh những vấp ngã và tiến đúng với mục tiêu đã nêu lên.

Sau mấy tháng điều-tra đư-luận độc-giả, chúng tôi đã gom góp được một số ý-kiến về Nguyệt-san Phật-giáo Việt-Nam như sau:

Một số độc-giả than phiền rằng nội-dung của «Phật-giáo Việt-Nam» quá cô-đọng, chật-hẹp, chỉ quanh-quẩn trong phạm-vi Đạo Phật, nên không thể phổ-biến rộng ra ngoài được, mà chỉ dành riêng cho một số Phật-tử thuần-thành. Điều ấy quả có như thế. Mặc dù chúng tôi đã cố-gắng mở rộng phạm-vi nhưng không thể mở toang biên-giới của nó được, vì cái tên «Phật-giáo Việt-Nam» đã đóng khung nó lại rồi. Mỗi tạp-chí đều có một chủ-trương, một nội dung, một mục-đích riêng biệt mà cái tên, là cái nhãn hiệu, đã nói lên một phần nào cái tinh-thần của nó. Muốn cải-đổi, mở rộng phạm-vi, trước tiên, phải thay đổi cái tên của Nguyệt-san. Nhưng cái tên «Phật-giáo Việt-Nam» lại không thể thay đổi được, vì nó đã do Hội-nghị của Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam đặt ra và đã được chính-quyền cho



phép. Muốn đổi tên phải chờ Hội-nghị của Tổng-hội họp lại và phải xin phép lại với chính-quyền. Và lá, mục-đích của «Phật-giáo Việt-Nam Nguyệt-san» khi ra đời là nhằm nói lên cái tiếng nói của Tổng-hội, cái tinh-thần, hoài-bảo, chương-trình, triển-vọng của Tổng-hội và nhất là báo-cáo, xúc-tiến sự thống-nhất thật sự của Phật-giáo nước nhà. Vậy với những độc-giả mong muốn mở rộng, cải đổi nội-dung, chúng tôi chỉ còn biết xin ghi lại ý-kiến ấy để vận-động xuất-bản một tạp-chí khác.

Một số độc-giả bảo rằng bài vở quá cao, khó tiếp nhận được, chỉ bổ ích cho một số ít có trình-độ học hỏi khá, còn phần đông đọc không thấy có lợi ích thiết-thực. Nhưng một số độc-giả khác lại bảo rằng một tờ báo của Tổng-hội cần phải nói lên được cái cao siêu thâm-thúy của Đạo, nếu không, thì có khác gì một tạp-chí khác! — Thật là phức-tạp! Tuy thế, số người bảo rằng tờ Phật-giáo Việt-Nam đọc khó hiểu chiếm phần đông. Vì thế chúng tôi sẽ cố-gắng làm viên lòng quý vị độc-giả ấy bằng cách đề-cập đến những vấn-đề thường-thức với một lối viết giản-dị, dễ dãi, thông thường. Nhưng chúng tôi không thể bỏ qua dư-luận của số người sau, là không thể **hoàn-toàn hạ thấp** bài vở của Nguyệt-san, mà phải dành cho nó một số trang nói lên được ý-nghĩa cao thâm của đạo, phản-ảnh được một phần nào cái giá-trị của cơ-quan văn-hóa của Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam.

Một số độc-giả thanh-niên, nhất là các anh chị em Huỳnh-trường gia-đình Phật-tử, lại phàn nàn rằng tờ Phật-giáo Việt-Nam không đề-cập, hay đề-cập ít quá đến vấn-đề thanh-niên, Gia-đình Phật-tử. Điều ấy cũng có phần đúng. Vấp từ đây chúng tôi sẽ bổ-khuyết sự thiếu sót ấy.

Về phần hình-thức, một số các độc-giả lớn tuổi yêu-cầu in chữ to hơn để đọc khỏi mệt mắt. Điều này, trong mấy số gần đây,



chúng tôi đã điều - chỉnh, nên có một số bài đã được sắp đặt rõ-ràng với thứ chữ tương-đối lớn hơn. Nhưng vấn-đề này tùy thuộc một phần lớn vào nhà in: hoặc vì chữ ít, hoặc vì cần in gấp, nên không đủ chữ lớn để lên khuôn một lúc. Nhưng dù sao chúng tôi cũng sẽ cố-gắng trong phạm-vi có thể được, để làm vừa lòng quý vị độc-giả.

Tóm lại, bước sang năm thứ ba, chúng tôi sẽ ghi nhớ những ý-kiến đúng đắn của quý vị độc-giả và sẽ cố-gắng thực-hiện cho được để đáp-lại thịnh-tình quý-hóa của quý vị đối với «Phật-giáo Việt-Nam» và để xây-dựng một ngày một vững-chắc cơ-quan ngôn-luận chung của Phật-giáo Việt-Nam chúng ta.

P. G. V. N.



CHÂN - LÝ

KHÔNG NẪM TRONG VĂN-TỰ', DANH-NGÔN.

THẠC - ĐỨC

Đạo Phật chủ-trương rằng đấng chân-lý tuyệt-đối thì không thể dùng ngôn-ngữ, văn-tự để phổ-biến được. Chân - lý là một cái gì vô-biên, vô cùng, không có giới-hạn; trí-óc, văn-tự, ngôn-ngữ là những gì có biên-giới, hữu-hạn; đem cái biên-giới mà so với cái vô cùng, đem cái hữu-hạn mà đưng cái vô-hạn thì không thể nào làm được. Chân-lý trong sách vở không phải là chân-lý, mà văn-tự, danh-ngôn chỉ là bóng-dáng đã đổi hình của chân-lý mà thôi. Bóng dáng còn không phải là chân-lý, huống chi cái bóng dáng đã đổi hình!

Đức Phật thuyết-pháp trong 49 năm, vậy mà Ngài vẫn nói: «Trong 49 năm, ta chưa hề nói được một chữ». Câu nói ấy chứng tỏ rằng chân-lý không thể miêu - tả được bằng ngôn - ngữ, văn-tự. Kinh Kim-Cương dạy rằng chứng ngộ mà nói chứng ngộ, đó không phải là chứng ngộ thực. Phật lại dạy: «Y theo kinh điển mà giải nghĩa thì oan cho tam-thế chư Phật, nhưng lìa kinh ra một chữ thì lại đồng với ma-thuyết». Kinh điển, lời dạy của bậc giác-ngộ không phải là chân-lý mà chỉ là phương-tiện chỉ bày chân-lý, nói đó là chân-lý thì oan cho tam-thế chư Phật. Nhưng thảm hại thay! nếu bảo đó không phải là chân-lý mà bỏ những phương-tiện chỉ



bày chân-lý tức là kinh điển ra thì chẳng còn gì nữa, ngoài những tà-thuyết của Ma-vương. Phật lại dạy : «Chân-lý như mặt trăng, giáo-lý của ta dạy như ngón tay để chỉ mặt trăng cho các người thấy. Đừng lầm ngón tay ta là mặt trăng». Thâm - thúy bao nhiêu mà cũng là đầy-đủ bao nhiêu, cái ví-dụ của đức Phật.

Cái nóng lạnh của một ly nước trà, hình dáng kỳ-quái của những con vi-trùng, những cái không phải là khó hiểu lắm ấy mà chúng ta vẫn không thể cảm-giác hoặc thấy biết được một cách trực-tiếp, hướng chi là chân-lý mà chỉ có trí giác-ngộ, xa lìa mê lầm mới có thể thân chứng! Bởi vậy, nghiên-cứu để hiểu được «chân-lý» là quan - niệm sai lầm. Nghiên - cứu để tự mình thực - hành theo, nương vào đấy mà chứng nhập chân-lý, ấy mới là mục-đích của người học Phật. Cho nên, mục-đích của tâm-lý-học Phật-giáo không phải chỉ là để thỏa-mãn trí tìm tòi của thế-nhân, mà là để làm một phương-tiện chỉ bày chân-lý, vì tự nó, nó không phải là chân-lý thực-thụ, nó cũng cần đến ngôn-ngữ, văn-tự và dựa lên trí tở-lượng của chúng-sinh để biểu-lộ.

Tất cả những gì được biểu-lộ bằng lời nói thì chỉ là những phương - tiện, mà phương - tiện như đã nói ở trên, không phải là chân-lý; không phải là chân-lý tức là sai lầm. Chân-lý là cái gì nhỉ? Ở đời, ta chưa có thể «nói» được một chân-lý. Hai với hai là bốn ư? Chưa chắc như vậy : hai củ khoai và hai củ cà-rốt vĩnh-viễn vẫn là hai củ khoai và hai củ cà-rốt, không bao giờ có thể là «bốn» được. Hai đồng với hai hào vĩnh-viễn là hai đồng hai chứ không phải là bốn đồng hay bốn hào được. Thế thì chân - lý ở đâu? Ở ngoài ngôn-ngữ và văn-tự! Mâu-thuần biểu hiện cho sai-lầm. Phật-học chủ-trương rằng trong tất cả các quan - niệm đều chứa sẵn mâu-thuần và nếu là chân-lý thì đó chỉ là chân-lý tương-đối. Sự mâu - thuẫn ấy dẫn dắt đến sự phủ - nhận quan - niệm về chân lý và đem ta đến một tầng chân-lý cao hơn, song vẫn ở trong



tương-đối. Đã là chân-lý tương đối thì trong ấy vẫn có sự mâu- thuẫn để rồi có sự phủ - định chân - lý ấy, và do đó, đưa sự hiểu biết tiến dần lên. Song cái hiểu biết do suy-luận, do ngữ-ngôn biểu-lộ, dù cao đến đâu vẫn không phải là chân-lý tuyệt-đối

Lời dạy của đức Giác-ngộ, tuy không phải là chân-lý tuyệt-đối nhưng quý giá vô-cùng, vì nó là phương-tiện chỉ bày chân-lý. Nó không phải là chân-lý vì nó được biểu-lộ bằng ngôn-ngữ, văn-tự và là một phương-tiện thiết-lập theo trí suy-lượng của chúng-sinh, xa lìa nó ra, ta không thể vịn vào đâu mà chứng nhập chân-lý. Bởi thế học để hiểu, để thấy, để đừng chấp chân-lý là cái có thể do ngôn-ngữ, văn-tự biểu-lộ được, *để nương theo phương-tiện mà đi vào cứu-cánh*. Trong khi tìm học, ta có quyền nghi, và nghi là một lợi khí cho sự giác-ngộ và có nghi mới có ngộ. Đừng mù-quáng chấp theo văn-tự, phải dùng trí-óc, phải dùng công phu thực-hành để quán-chiếu chân-lý, để được giác-ngộ. Phương-pháp của tâm-lý-học Phật-giáo khác với phương-pháp của tâm-lý-học Tây-phương ở chỗ ấy. Cốt nhất là đừng cố-chấp, vì chính sự cố-chấp che mắt chân-lý, mà phá cố-chấp thì đồng-thời phá trừ những tham-vọng mê-mờ che lấp trực-giác.

Hai người bạn đứng chơi, một người xây mặt về hướng Nam, một người xây mặt về hướng Bắc. Người xây mặt về hướng Nam thấy con chim phụng-hoàng bay qua liền bảo bạn : « — Này anh, quay lại xem chim Phụng-Hoàng ». Nhưng anh vừa nói xong, chim đã biến mất. Thế là người bạn kia cứ một mực đòi xem cho được chim phụng-hoàng, muốn biết hình thể nó như thế nào, lông cánh ra làm sao. Người này không biết làm sao, mô-tả thế nào cũng không gọi được trong trí óc bạn một con chim phụng-hoàng và dù có gọi được, cũng là gọi nên một hình-ảnh khác, nhiều khi phản lại cả hình-ảnh chính nữa. Cuối cùng, anh ta phải vẽ một con chim Phụng - Hoàng thật đẹp, thật giống



(thì cũng cứ cho thật giống đi), tung lên trời. Thế là anh kia chấp chặt đó là chim Phụng-Hoàng. « Phụng-Hoàng là con chim giấy ấy, chim giấy ấy là Phụng - Hoàng, chim giấy và Phụng-Hoàng là một. » Chết chưa ! Sao lại là một được ? Con chim giấy không phải là Phụng-Hoàng mà chỉ là một phương-tiện để chỉ Phụng - Hoàng thật thôi. Nếu nó là Phụng - Hoàng thật sao nó không bay ? Chấp nó là Phụng-Hoàng, cái kiến-chấp ấy nguy-hiêm biết bao nhiêu, đời nào có thể biết được Phụng - Hoàng. Nếu bỏ cố - chấp ấy đi, do thấy chim giấy mà biết được rằng : « Chim Phụng-Hoàng vừa bay qua cũng giống như thế, nhưng nó là một con khác, một con chim bay được, hót được và bay qua mất rồi. Còn con chim này chỉ là con chim giấy, một phương-tiện để chỉ bày cho ta hiểu ấy thôi ». Thấy được như vậy mới thật là không cố-chấp. Học Phật cũng giống như thế. Có điều là sẽ thấy được chính chân-lý bằng trực-giác, chứ không phải chỉ thấy có chân-lý bằng suy-lượng, như anh kia chẳng được thấy bằng mắt chim Phụng - Hoàng thật, mà chỉ thấy được bằng ý-thức, suy đạt căn-cứ trên mắt thấy và trên con chim giấy.

THẠC - ĐỨC



NGÀI HUYỀN-TRANG ĐI ẤN-ĐỘ THỈNH KINH PHẬT

Nguyên-văn chữ Hán của **DƯƠNG-ĐÌNH-PHÚC**
NÔNG-SƠN DỊCH

(Tiếp theo số 23 và 24)

NGÀI Huyền-Trang trước hết đến nước Y-Lạn-Nã-Bát-Đa, Nam Ấn-Độ (nay là một giải đất Áo-Lý-Tát) ở đó một năm, lại theo học đại-sư Đát-Thà-Yết-Đa và Thầy Tăng-Yết-Đề, sau đó lặn lội qua làn sóng cả ra Ấn-Độ-Dương, bẻ Khoa-La-Mạn-Đắc, đến nước Tăng-Già-La (đảo Tích-Lan), từ Tăng-Già-La đến nước Yết-Lăng-Già, Nam Ấn-Độ (nay là Mã Đứơc-Lạp-Tư, Nam Ấn-Độ), từ đấy lại đi về tây 1800 dặm đến nước Nam-Kiều-Tát-La (nay là giải đất Hải-Đắc-Lạp-Ba ở Trung Ấn-Độ), lại vào địa-phận Trung Ấn-Độ, theo học Bà-La-Môn (nhân-minh-học). Lại trải qua vô số sự gian hiểm, ngài thẳng đến nước Lang-Yết-La ở phía cực Tây Ấn-Độ (nay là giải đất Khách-Lạp-Xuy, Tây Ấn-Độ) mới trở lại nước Bát-Phật-Đa-La, Bắc Ấn-Độ (không tra-khảo được), ở nơi này học tập 2 năm, lại đến núi Trượng-Lâm ở 2 năm nữa, học môn học «Duy-thức» và nghiên-cứu điển Tứ-phệ-đà cùng là Thiên-văn, Địa-lý.

Trong thời-gian trọn 6 năm, ngài Huyền-Trang đi khắp Đông, Nam, Tây, Bắc, Trung 5 xứ Ấn-Độ, lớn nhỏ hơn 100 nước, xem đọc hết sách các nước. Sau 6 năm ấy, ngài lại về chùa Na-Lạn-Đà, ông Giới-Hiền sai ngài chủ-trì các khóa-giảng,



giảng Nhiếp-Đại-Thừa-Luận cho tăng-chúng cả chùa ấy. Bảy giờ có một đại đệ-tử của ngài Giới-Hiền tên là Sư-Tử-Quang không phục ngài Huyền-Trang làm chủ-giảng, ngài Huyền-Trang làm ra 3.000 bài tụng «Hội-tôn-luận», giảng rõ đại nghĩa, ngài Giới-Hiền cùng tất cả tăng-chúng trong chùa ai cũng duyệt-phục, khen ngợi, Sư-Tử-Quang tự biết học-thức của mình không đủ, xấu hổ bỏ đi, một năm sau mới dám trở về.

Khi ấy có một người phái Bà-La-Môn viết ra hơn 40 điều lý-luận treo ở cửa chùa Na-Lạn-Đà và ngông cuồng nói rằng : nếu ai nạn-phá được một điều nào, thì cam chịu cho người ấy cắt đầu để nhận lỗi. Không một người nào dám bẻ bác, ngài Huyền-Trang xin ngài Giới-Hiền và các vị cao tăng làm chứng, cùng người Bà-La-Môn đó biện-luận, tối-hậu người đó không thể không cúi đầu nhận lỗi được, yêu-cầu theo lời hứa trước mà thi-hành, ngài cười bảo rằng : « đã là hòa-thượng thì không bao giờ giết người, anh định để vong-hồn anh theo dõi bên mình ta hay sao ? »

9.) Nước Yết-Nhược-Cúc-Am là nước lớn ở Trung Ấn-Độ, lịch-sử Ấn-độ gọi là Cúc-Đa-Vương-Triều, là thời kỳ tối-thịnh Trung-Cồ Văn-Hóa Ấn-Độ, bảy giờ vua Giới-Nhật trị-vì, Phật-giáo mở mang rộng lớn. Có một lần vua Giới-Nhật thân-chinh nước Cung-Ngự-Đà (nay không rõ địa-danh) đi qua nước Ô-Đồ, vị Tiểu-Thừa nước đó là Đại-sư Ban-Nhã-Các-Đa làm ra 700 bài tụng «Phá Đại-Thừa-Luận» chê phái Đại-Thừa là «không hoa ngoại-đạo». Vua Giới-Nhật viết thư cho ngài Giới-Hiền, xin cho người đến nước Ô-Đồ biện-luận phải trái, ngài Giới-Hiền nhận được thư, thương-lượng cùng mọi người, chọn ngài Huyền-Trang cùng Sư-Tử-Quang, Hải-Tuệ, Trí-Quang, 4 người đại đệ-tử đến nơi đó biện-luận ; ba người sau này khiếp - đảm, ngài Huyền-Trang không chút sợ - hãi, tìm



được nguyên-văn 700 bài tụng «Phá đại-thừa luận», hết lòng nghiên-cứu, gặp chỗ nào nghi-nan thì cùng người Bà-La-Môn được ngài thuyết-phục lúc trước, thảo-luận, tối-hậu viết ra thành 1600 bài tụng «Phá-Ác-Kiến-luận» trình ngài Giới-Hiền và tuyên bảo các đồ-chúng; ai đọc qua cũng phải thán-phục.

Lúc ấy quốc-vương nước Già-Ma-Lũ-Ba, Đông Ấn-Độ (tỉnh Mạnh-Gia-Lạp, Ấn-Độ ngày nay) là Cru-Ma-La, ngưỡng mộ ngài Huyền-Trang, sai sứ đến thỉnh ngài đi; khi vua Giới-Nhật về nước, nghe nói ngài đã đến nước Già-Ma-Lũ-Ba rồi, lập tức đến nước ấy thỉnh ngài về. Vì muốn làm rõ-rệt giáo-nghĩa phái Đại-thừa, sau khi hai quốc-vương hội-kiến với nhau, bàn nhau thông tri cho các nước, mở một đại-hội ở thành Khúc-Nữ, thủ-đô nước Yết-Nhược-Cúc-Am, để chiêm-ngưỡng nghị-luận, phong-thái vị học-giả Trung-Quốc.

Tháng 12 năm ấy mở đại-hội, nhân-sĩ các xứ không quản xa-xôi có đến 18 quốc-vương 18 nước 5 ở xứ Ấn-Độ, 3.000 tăng-lữ thuộc hết giáo-lý Đại-thừa và Tiểu-thừa, hơn 2.000 người Bà-La-Môn và Ni-Càn ngoại-đạo, cùng tăng-lữ chùa Na-Lạn-Đà hơn 1.000 người đến dự hội. Những người dự hội đó tuy học-phái, tín-ngưỡng khác nhau, nhưng đều là người tu-dưỡng, học vấn cao-sâu, có thể nói là một đại-tập-hội của văn-hóa danh-nhân cả Ấn-Độ, là một đại thịnh-hội thứ nhất trên lịch-sử Ấn-Độ.

Đại-hội mở đầu, ngày thứ nhất, sau khi cử-hành nghi-tiết Phật-giáo, mọi người thỉnh ngài Huyền-Trang thượng-tọa làm luận-chủ (chủ-tịch), bắt đầu giảng kinh nghĩa, ngài ở trước công-chúng tuyên-bố bài «Phá-ác-kiến-luận» và rất nhiều lý-luận phái Đại-thừa, ngoài ra còn viết một bản «Phá-ác-kiến-luận» treo ở trước cửa nhà họp để tuyên-bảo đại-chúng. Sau khi treo bài luận đó, từ sáng đến chiều, không một người nào dám đến biện-luận. Đại-hội tiếp-tục 18 ngày, mọi người nghe ngài nghị-luận, nêu ra những



nghĩa-lý rất tinh-vi, thủy-chung không một người nào đề ra được một ý-kiến phản-đối. Hôm tan hội, quốc-vương Giới-Nhật tặng ngài 10 000 tiền vàng, 30.000 bạc, 100 áo lông, quốc-vương 18 nước đều tặng rất nhiều phẩm vật quý báu, ngài không chịu nhận mảy may nào.

Theo cổ-pháp Ấn-Độ : phạm người nào biện-luận đắc thắng, được cưỡi voi du-hành khắp nơi một vòng : bảy giờ 18 quốc-vương mời ngài cưỡi con voi lớn trên che dù hoa, sai rất nhiều thần-dân đi hộ vệ hai bên, đối-đại chúng hò reo đi một vòng, đề tỏ tinh-thần độc-lập không nhờ cậy vào ai, chỉ lấy nghĩa phục được người, của vị Pháp-sư Trung-quốc ; ngài hai ba lần khiêm nhượng không chịu lên mình voi, mọi người đều nói đó là thành-pháp (1) từ xưa để lại, không nên trái lệ, ngài mới phải nghe theo. Quần-chúng đi hai bên nâng đỡ áo cà-sa của ngài lên, hướng về phía dân-chúng nói to lên rằng : «vị Pháp sư Trung-quốc lập luận về ý-nghĩa phái Đại-thừa, phá tan mọi ý-kiến khác, luôn trong 18 ngày không ai dám tranh luận, hết thấy chúng ta phải nhận biết». Rồi toàn-thể công-trường hoan-hô nhảy múa, dâng hương tung hoa. Từ đấy ai ai cũng phải công-nhận ngài là nhà học-giả oai-quyền, tiếng tăm dậy đất 5 xứ Ấn-Độ.

Kế đó, ngài lại cùng vua Giới-Nhật đến đại thí-trường của nước Bát-La-Ra-Già tổ-chức đại-hội «Vô-Già» 75 ngày, dự hội có đến 50.000 người, là một tập-hội lớn nhất từ trước đến giờ chưa từng có của Ấn-Độ từ khi có lịch-sử đến giờ.

10.) Lúc ngài tham-gia đại-hội «Vô-Già» đã 48 tuổi, ở Ấn-Độ vừa đúng 13 năm. Trong thời-gian đó không một giờ phút nào ngài không nhớ tổ-quốc. Mục-dịch du học và lấy kinh của ngài đã đạt rồi, mới nghĩ mau mau trở về tổ quốc; tuy nhân-dân Ấn-Độ cố nài ở lại, nhưng chí về nước của ngài đã kiên-quyết, đến năm 643

(1) Lệ cũ.



(năm Trinh-Quán 17 đời Đường) dùng voi lớn cùng ngựa chở 657 bộ kinh Phật và các phẩm vật khác khởi hành.

Đường về nước của ngài lại đi trọn 2 năm nữa, trong khi đi, lại trải bao nỗi gian-nguy, may mà kinh-diễn lạc mất rất ít, chỉ có khi đến nước Đát-Thoa-Thi-La (ở tây-nam nước Già-Thấp Di-La hơn 50 dặm), lúc qua sông lớn Tín-Độ, thuyền đến giữa dòng sông hốt nhiên sóng gió nổi lên dữ-dội, làm lay động cả thân thuyền, mất 50 bó kinh và các hạt giống hoa quả lạ Ấn-Độ. Khi ấy vua nước Già Thấp-Di-Ta ở thành Ô-Đạc-Già-Hán, trên sông Tín-Độ, bất ngờ mà gặp ngài Huyền-Trang, cùng đi với ngài và sai người tiễn đưa ngài đến rừng tây núi Đại-Tuyết (nay là núi Hưng-Đô-Khố-Thập), ngài men theo rừng đến được Thông-Lĩnh, rồi đến nước Khư-Sa (nay là Xơ-Lặc, xứ Tân-Cương), nước Kiếp-Bàn-Đà (Cáp-Thập-Khố-Nhĩ, xứ Tân-Cương), nước Tích-Cư-Già (Cáp-Nhĩ-Cát-Lý-Khắc, xứ Tân-Cương), bị vua nước Vu-Điền giữ lại ở đó bảy tháng.— Trong thời-gian ấy ngài nhất diện giảng dạy dân-chúng Vu-Điền, nhất diện sai người đến các nước Khuất-Chi, Khư-Sa dò tìm sao lại các bản kinh thất-lạc khi qua sông.

Vì trước kia ngài trốn ra ngoại-quốc, là hành-vi trái phép ; nhưng lòng vẫn nhớ tổ-quốc và cũng đã về đến địa giới tổ-quốc rồi, vậy bây giờ phải dùng cách nào đem tin tức về nước của mình thông báo cho người tổ-quốc mình được biết, ngài mới viết một phong thư lời lẽ rất uyển-chuyển, nhờ bọn lái buôn nước Vu-Điền mang về Tràng-An, đưa lên vua Lý-Thế-Dân. Trong thư thuật rõ : vì muốn nghiên-cứu Phật-học, tìm kiếm kinh Phật, mới dám mạo-hiểm qua Ấn-Độ. Đường đi qua hết sa-mạc mênh-mông, núi Thiết-Môn gian-hiểm, núi Tuyết-Sơn cao chót vót ; đi bộ hơn 50.000 dặm đường, trải qua ngàn muôn trùng hiểm trở, mới đến được Ấn-Độ. Ở Ấn-Độ, chu du lịch-lãm hơn 10 năm trường,



hiện nay trở về, đã đến Vu-Điền. Nhân vì con voi to chết đuối, mang về được rất nhiều kinh-điền, nhưng không có lừa, ngựa để chuyên-vận được, nên phải lưu lại Vu-Điền, vâng chờ Thánh-chỉ... Vua Lý-Thế-Dân nhận được thư đó, lập tức viết thư trả lời: «Được tin sư-phụ từ ngoại-quốc về, ta rất hoan-hỷ, chỉ mong chóng được hội-kiến cùng sư-phụ. Ta đã ra lệnh cho các xứ Vu-Điền, để các nước đó phải cung-cấp phu dịch, lừa ngựa hộ tống sư-phụ, sai quan ty ở Đôn-Hoàng nghênh-tiếp ở bãi Lưu-Sa, nước Nghiệp-Thiện nghênh-tiếp ở địa-phương Thu-Mạt... (ngày nay là huyện Nặc-Khương, xứ Tân-Cương)».

Ngày 24 tháng 1 năm 645 (năm Trinh-Quán thứ 19 đời Đường), ngài Huyền-Trang bình yên về được đến Tràng-An. Trước sau đi xa 17 năm, khi về đến tổ-quốc đã là một ông già ngoại 50 tuổi, hai mái tóc trắng xóa.

Khi vua Lý-Thế-Dân được tin ngài Huyền-Trang đã đến Tràng-An mới sai quan Hữu-Bộc-Xạ là Phòng-Huyền-Linh, Hữu-Vệ-Hầu Đại-Tướng-Quân là Hầu-Mạc, Trần-Thực, quan Tư-Mã Ung-Châu là Lý-Thúc-Thận và huyện-lệnh Tràng-An là Lý-Kiến-Hựu đi nghênh-tiếp. Trên đường phố Tràng-An hàng vạn dân-chúng đứng liền hai bên đường hoan-hô, ngài Huyền-Trang đem hết các thứ mang từ Ấn-Độ về như là: kinh-điền, Phật-tượng, xe dù, và hoa-phan và sản vật Ấn-Độ bày tại phía Nam, phố Chu-Tước, mở một hội triển-lãm rất thịnh-đạt.

11) Mồng 1 tháng 3 năm ấy, ngài Huyền-Trang về đến chùa Hoảng-Phúc, kinh Tràng-An, dự bị làm công tác phiên-dịch đại-quy-mô, mời hết các cao-tăng, học-giả các nơi đến giúp đỡ. Ngài cần dùng đến các người: Chứng-nghĩa, Tuyết-văn, Bút-thụ, Thư-thủ, trong đó có hơn 50 người Sa-Môn học rộng giúp việc dịch cho chính-nghĩa, có các vị cao-tăng học-thức trác-việt như ông Linh-Khoát, Văn-Bị, 23 người, chuẩn-bị vào công việc.



Trung-tuần tháng 5 bắt đầu phiên-dịch, đến cuối năm ấy đã dịch được 5 loại Đại-Bồ-Tát-Tạng-Kinh và Phật-Địa-kinh.

Mùa Thu năm thứ hai, ngài Huyền-Trang miêng thuật việc lữ-hành của ngài trong 17 năm, trải qua 128 quốc-gia, các điều nghe biết, trong đó về lịch-sử, phong-thờ, nhân-tình, địa-lý, vị-trí, sơn-xuyên, thổ-sản hiện-tình, do một đồ-dệ ngài ghi chép lại, viết thành 12 quyển Đại - Đường Tây-vực-Ký. Sau này đọc đến sách ấy, không khác gì đích thân đến được nơi đó, không những là một bộ du-ký vĩ-dại, cổ-diễn, mà còn là một bộ lịch-sử địa-lý trọng-yếu ghi chép các nước Trung-Á và An-Độ, cho nên các nước Tô-Liên, Nhật-Bản, Anh, Đức, Pháp đều có bản dịch bộ du-ký ấy; còn có rất nhiều nhà học-giả ngoại-quốc chuyên môn nghiên-cứu bộ Đại-đường Tây-vực-ký này đều phải công nhận là bộ sách rất có giá trị, phạm-vi rất lớn, kỹ-thuật chính xác và nội-dụng phong phú, trong các loại Đông-Tây-dương lữ-hành-ký thời cổ. Đời nay các nhà chuyên-môn nghiên-cứu sử, địa, nhờ vào bộ sách ấy rất nhiều, để mà chỉnh-lý những lịch-sử, địa-lý, mơ-hồ về nước Ấn-Độ thế kỷ thứ 7.

Năm 648, (Trinh-Quán thứ 22), mùa hạ tháng 5, ngài Huyền-Trang đã dịch xong 9 loại kinh Phật. Tháng 6, ngài hội-diện cùng vua Lý-Thế-Dân ở cung Ngọc-Hoa, vì muốn kỷ-niệm ngài Huyền - Trang tây - du, vua đích thân tự viết bài tựa Đại - Đường Tam - Tạng-Thánh-Giáo 781 chữ, do vị Hoài-Nhân Hòa-thượng lấy đích chữ nhà đại thư-pháp đời Tấn là Vương-Hy-Chi viết, khắc lên bia đá. Nhà đại-thư-pháp đời Đường là Chủ-Tọa-Lương viết thành hai bản: 1 bản khắc vào nhận-tháp chùa Từ-Ân, 1 bản khắc ở Đồng-Châu, đến tận bây giờ lối chữ đó là một tự-thiếp có tiếng để tập viết.

Tháng 10 năm ấy, ông Lý-Trị (vua Cao-Tôn đời Đường) vì muốn kỷ-niệm mẩu thân ông ấy, mới dựng nên ngôi chùa Từ-



Ân ở Tràng-An, trong chùa đặc-biệt làm một sở gọi là Phiên-kinh-Viện, thỉnh ngài Huyền-Trang đến ở đó phiên dịch kinh Phật. Từ đây ngài ở luôn chùa Từ-Ân, chỉ chuyên tâm dịch kinh, không hề bước chân khỏi cửa. Ngài lại sợ thọ-mệnh của mình hữu-hạn, không làm xong được công-tác phiên-dịch nặng nề, khó khăn ấy, nên lại càng chăm sách lệ mình, hết ngày lại đêm, chăm chỉ làm việc. Mỗi ngày hoạch định rõ công-tác, không bỏ phí một giây phút nào, thường đến canh ba mới ngừng bút, chờ đến canh năm thì trở dậy, liền đem kinh điển lấy về đó, dùng bút son điểm thứ-tự, chuẩn-bị công-tác phiên-dịch ngày hôm sau. Ngoài việc dịch kinh, ban ngày ngài trả lời các tăng-lữ và học-giả các nơi đến thỉnh - giáo; đến chiều, giảng học cho các học trò, ở trong phòng hay ở hành-lang, thường đứng đầy các người đến cầu giáo.

Tháng 3 năm 652 (năm Vĩnh-Huy thứ 3 đời Đường-Cao-Tôn), vì muốn làm nơi chứa kinh-diễn, tượng Phật do ngài đem từ Ấn-Độ về, mới dựng một tòa tháp 5 tầng ở tây-viện chùa Từ-Ân. Bắt đầu từ ngày khởi công, cứ sáng sớm người ta thấy có một vị hòa-thượng già ngoài 50 tuổi cùng mọi người gánh vác gạch, đá, lúc mới đầu không biết là ai, sau cùng chuyện trò, mới biết là Pháp-sư Huyền-Trang. Ngài cùng công-nhân xây dựng tháp hai năm mới xong. Cho đến bây giờ tòa tháp đó vẫn xừng-xững đứng ở chợ Tây-An, tỉnh Thiểm-Tây.

Sau đó 5 năm, ngài lại dịch xong 10 bộ. Vì lúc còn trẻ ngài dụng-công quá độ, cùng khi đi đường trải qua nhiều nỗi gian khổ, cho đến các năm sau, liền mấy năm phiên-dịch vất vả, khiến sức khỏe của ngài bị tổn thất nhiều. Thời thường ngài có chứng đau ngực, nhất diện ngài dùng thuốc, nhất diện vẫn không ngại phiên - dịch và dạy học. Đến năm ngài 65 tuổi, mới bắt đầu dịch bộ sách sau cùng rất to-tát khó-khăn là bộ Đại-Bát-Nhã-



Kinh, bộ ấy bằng chữ Phạn, tổng-cộng có 200.000 tụng, học trò đều cho là số chữ nhiều quá, yêu cầu rút ngắn đi, ngài Huyền-Trang thì nhận là việc phiên - dịch không nên vì số chữ nhiều mà cắt bớt nguyên-văn dịch tắt đi cữc, để làm mất nguyên-ý; ngài chủ-trương không bỏ một chữ nào, cứ phiên-dịch theo thật đúng toàn bộ. Khi ngài ở Tây-Vực thu nhật ba thứ Đại-Bát-Nhã-Kinh không đúng một mẫu in, dịch đến chỗ nào ngờ, thì so cả ba bản, hiệu-duyet cẩn-thận đến hai ba lần, mới dám hạ bút. Vì trước sau không chút trễ biếng, đến năm 663 (năm Long-Sóc thứ 3) tháng 11, mới dịch xong bộ kinh lớn ấy 600 quyển. Lúc ấy ngài đã là ông già 68 tuổi rồi.

Năm sau, giữa đêm mồng 5 tháng 2 ngài Huyền-Trang mất tại chùa Ngọc-Hoa.

Đời Ngài phiên-dịch tổng-cộng 75 bộ kinh chữ Phạn, 1335 quyển. Sự thành-công rực-rỡ ấy đối với phương-diện văn-hóa xã-hội Trung-Hoa thời bấy giờ có ảnh-hưởng rất lớn.

Ngày 14 tháng 4, an-táng ngài ở Bạch-Lộc-Nguyên. Khi tang lễ cử-hành, phụ-cận Tràng-An 500 dặm, người đến tống-táng có ước 100 vạn người, có 3 vạn người làm lều ở cạnh mộ ngài mà ở. Như thế có thể biết người thời bấy giờ yêu chuộng ngài Huyền-Trang đến bậc nào.

Hết



Bản-ngã là gì ?

Bản ngã thật ra chỉ là ngã chấp.

Có hai thứ ngã-chấp : câu sanh ngã-chấp và phân-biệt ngã-chấp.

I- **Câu-sanh ngã-chấp.**- Câu-sanh ngã-chấp thuộc về Mạt-na là thứ ngã-chấp đồng có một lần với thân, chứ không phải do có sự phân-biệt vọng-chấp mới có. Cái ngã-chấp này có từ vô-thỉ, chỉ khi nào giác-ngộ thành Phật mới hẳn tiêu-tan, còn là chúng-sanh thì vẫn còn.

Câu-sanh ngã-chấp có hai tác dụng phân-biệt : Một là trực giác chấp-ngã tức là chỉ cho Mạt-na duyên với kiến phần A-lại-gia và chấp cái cảnh tượng mà mình đã biến ra làm tướng phần của mình. Ấy là ngã-chấp sâu-xa, thấm-thiết. Hai là suy biết chấp-ngã, là khi Mạt-na trực-giác đối tượng, có những tâm sở ngã-kiến, ngã-ái, ngã-mạn, ngã-si phát-sinh phân-biệt tham đắm. Hai loại ngã-chấp thuộc về Mạt-na này thật khó trừ đoạn, nó có trước khi có sinh mệnh, nó có từ vô-thỉ, chứ không phải chỉ khi ta sinh ra nó mới phát hiện. Trên đường tu-đạo phải quán thù-thắng sinh-không mới dần dần trừ diệt được.

II. **Phân-biệt ngã-chấp** : là thứ ngã-chấp mới có sau khi có thân, do sự phân-biệt vọng-chấp. Cái ngã-chấp này dễ trừ đoạn hơn ; khi mới vào địa-vị kiến-đạo, quán sanh-không chân-như là có thể tiêu diệt nó được.

Phân-biệt ngã-chấp, thuộc về ý thức, cũng có hai dụng phân-biệt: một là trực giác ngã-chấp tức là chỉ cho ý-thức khi chấp toàn thân và ý-thức là ngã một cách không cần phân-biệt; hai là suy-nghiệm ngã-chấp tức là chỉ cho ý-thức khi dùng suy-nghiệm để chấp hoặc tư-thân, hoặc ý thức, hoặc cả hai làm ngã bằng sự suy-nghiệm đo-lường.

Phân biệt ngã chấp tất nhiên nương trên câu-sanh ngã-chấp mà được phát hiện; tuy nhiên hoàn cảnh và ý-thức là hai động lực thiết yếu để cho nó phát hiện. Trên Mặt-na, lúc nào cũng có ngã-chấp thâm-kín, sâu xa; trên ý-thức, cái trực-giác ngã-chấp cũng lấy đó làm nền tảng và do suy-nghiệm ngã-chấp cấu thành.

Trẻ con lúc mới sinh, ý-thức về bản ngã của chúng rất mờ-mờ, vì lẽ phân-biệt ngã chấp mới nhờ ý-thức và hoàn-cảnh thai-nghén một cách còn yếu ớt. Có thể nói rằng suy-nghiệm ngã-chấp đã có một cách mờ-mờ, nhưng trực-giác ngã chấp thì chưa có. Tuy nhiên câu sanh-ngã-chấp của nó vẫn có đầy đủ như thường, giống hệt như của người lớn.

Lớn lên một chút, trẻ con đã có thể có quan-niệm về nó và về kẻ khác và bắt đầu phân-biệt mình và người, mình và vật. Nhờ sự động chạm giữa căn và cảnh, nó phân-biệt được thân nó và sự vật khác với thân nó. Vì thế, đối với trẻ con, bản ngã nó tức là thân xác nó. Sự phân-biệt rõ-ràng về mình, về người luyện nơi ý-thức của nó một trực-giác chấp-ngã.

Có nhiều người lớn cũng chỉ quan-niệm về bản ngã giống hệt như trẻ con, cho bản ngã là xác thân mình, và chỉ có thế. Chỉ những kẻ suy-nghiệm ngã-chấp tinh-vi mới có được những quan-niệm về bản-ngã khác hơn. Nhiều kẻ không cho xác thân là bản-ngã nữa, và họ nói: «tôi muốn thoát khỏi cái xác này cho rồi». Thế thì tôi và xác đã là hai cái khác nhau.



Những kẻ ấy hẳn cho «ta» là ý thức, là một linh hồn có tính cách thuần nhất và có thể tồn-tại ngoài xác thân. Có kẻ lại cho «ta» là tổng-hợp của tất cả những kiến-thức, tư-tưởng, tình cảm, không có tánh cách thuần-nhất.

Bản ngã là gì? Thật khó trả lời vì thực ra ta không tìm hiểu nó được, và cũng vì nó không thực có. Bản ngã nếu như có, nó phải là một cái gì có tính cách duy nhất và đồng chủ-tể. Ta thử nhìn xem cái gì là duy nhất, đồng tính chủ tể. Thân xác ư? Thân xác thì luôn luôn biến đổi, hằng giờ, hằng phút. Thân xác chỉ là sự tập hợp của vô-số tế bào sống đang biến chuyển mau lẹ vô cùng. Tinh-thần ư, tinh thần là sự tập hợp của tất cả mọi tư-tưởng, cảm giác, tri giác, các hiện tượng ấy vẫn tiếp-tục biến chuyển... thay đổi màu sắc, không khi nào giống khi nào và chẳng có gì là thuần nhất cả.

Nói bản ngã tức là gồm tất cả những yếu tố vật-lý, tâm lý, cũng không được, vì hợp lại, chúng cũng chẳng có tính cách thuần nhất chút nào. Nếu nói bản ngã là một cái gì chẳng phải vật-lý cũng chẳng phải tâm-lý — là bản ngã ly-uẩn — thì cái ấy sẽ đồng như hư-không, không còn có tác dụng gì hết, làm sao có thể gọi là bản-ngã được?

Khi chúng ta nói: «Tôi ở Saigon, thì chữ tôi ấy chính là để chỉ cho thân-xác. Khi chúng ta nói: «tôi suy nghĩ ước mơ», thì chữ tôi ấy không chỉ cho thể xác nữa mà chỉ cho ý-thức. Khi chúng ta nói: «Tôi viết một bài diễn-văn», thì chữ tôi ấy chỉ cho cả thân-xác lẫn ý-thức, vì chính phải nhờ trí óc suy nghĩ và nhờ tay viết. Thế thì tôi là cái gì? là thân xác, là ý-thức, hay là cả thân xác và ý-thức hợp lại? Sao lại có sự không đồng nhất ấy? Tôi có thể là xác thân, lại có thể là ý-thức, tôi là hai hay là một?



Lại như chúng ta bảo : «thân xác của tôi to lớn», thì tôi là cái gì? lẽ dĩ nhiên là cái có thân xác. Thân xác là cái sở hữu của tôi. Thế thì thân xác không phải tôi. Thế thì ngoài thân xác còn cái Tôi nào nữa? Chúng ta lại bảo : «ý-thức của tôi, ý-thức của anh». Thế thì ý-thức cũng là một vật sở-hữu của cái tôi và ngoài ý-thức còn có cái Tôi nào nữa? Cái Tôi ấy là trừu-tượng hay cụ-thể. Nếu trừu-tượng thì hành-tượng nó như thế nào? Nếu cụ-thể thì nó là cái gì? Nếu không trừu-tượng cũng không cụ-thể, thì nó đồng như cái không vậy.

Nói rằng bản-ngã vừa là đồng-nhất, vừa là biến chuyển cũng không xong. Thử hỏi cái phần đồng nhất ấy có khác biệt với phần biến chuyển không? Nếu khác biệt, thì không có tính cách duy nhất, nếu không khác biệt, thì lại bị biến chuyển, sao lại gọi là đồng nhất được?

Bản ngã chỉ là những quan-niệm có về một cái gì đồng nhất, chủ thể, một cái gì đó tự thân nó không có. Sự sống chỉ là một giòng biến chuyển mà trong ấy không có một bản ngã lãnh đạo.

Năm trước, tôi mua một chiếc xe đạp. Cách đó vài tháng, tôi thay cặp bánh, cách đó nửa năm, tôi thay cặp niềng. Cái xe có thay đổi, nhưng tôi cần bảo là cái xe của tôi trước kia. Cứ lâu lâu, tôi lại phải đổi nào chuông, nào hãm, nào đèn, đổi luôn cả khung xe, đổi cãm, đổi líp, đổi tất cả. Đến nay, cái xe ấy, tôi đang dựng bên tường. Tuy nó đã hoàn toàn thay đổi, tôi cứ bảo rằng nó là cái xe của tôi mua năm xưa. Thế thì cái xe ấy, ngoài hình thức nó ra, còn có một cái «hồn xe» duy nhất, không biến chuyển ư? Nếu cái xe chịu luật biến chuyển thì bên trong phải có một cái gì, cái «hồn xe» chẳng hạn, không biến chuyển, tôi mới có ý-niệm rằng đó là cái xe của tôi mua năm xưa chứ! Thực ra, làm gì có cái «hồn xe»! Cái xe là một giòng



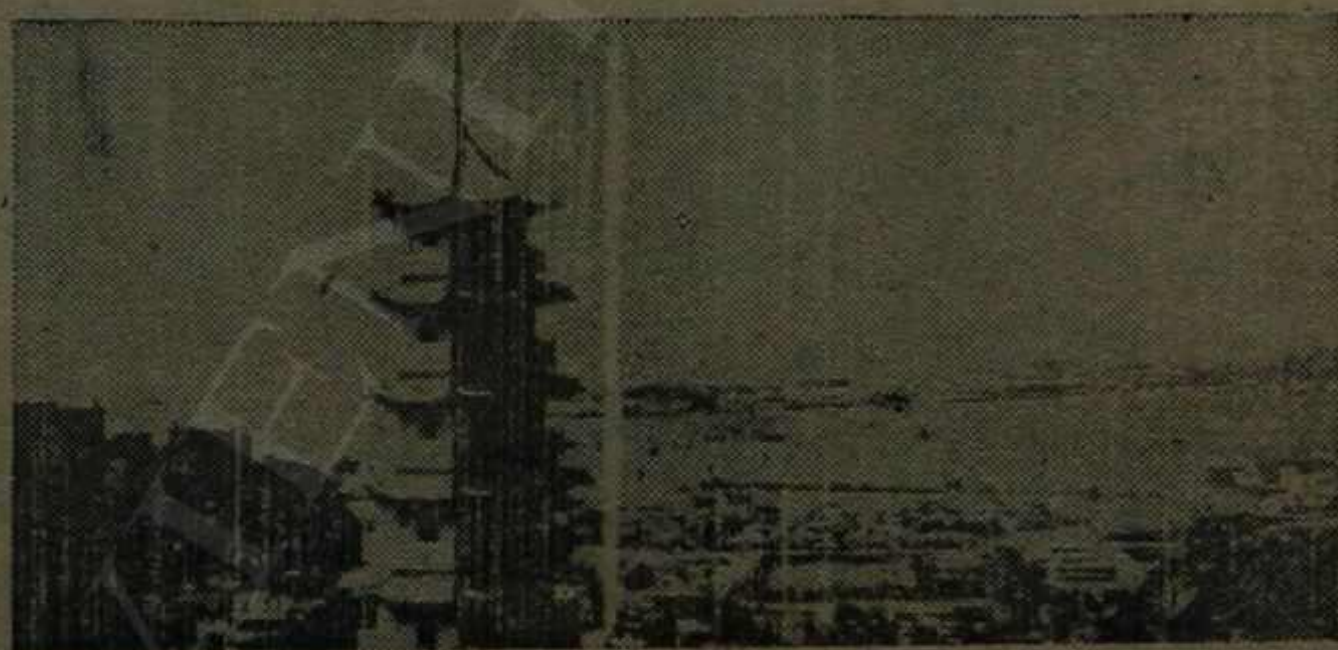
biển chuyển mà không có bản-ngã, chủ động. Thân-thể và tâm-hồn ta cũng là một giòng biển chuyển mà không có bản-ngã chủ động.

Vì thế, cái bản-ngã chủ thể (le moi-sujet) và cái bản vị đối-tượng (le moi-objet) đều là những giả danh, không có thực, chỉ do phân-biệt vọng-chấp mà hình như thực có.

Cái vọng-chấp của ý-thức, tuy thể vẫn nương trên vọng-chấp của Mạt-na. Nguồn gốc sâu xa của ngã-chấp là ở Mạt-na. Mạt-na kết tinh của vô-minh, luôn luôn lấy phần tri kiến của Alaya làm đối-tượng để chấp đó là ngã, chấp một cách chặt cứng, không rời ra bao giờ. Alaya tự nhiên không muốn mà trở thành ra ngã-tướng, bị Mạt-na chấp.

Cái kiến chấp ấy vô-lý quá, mà cũng sâu thẳm quá, rất khó dùng ý-thức để tìm hiểu và đoạn trừ được; chỉ có thể do công-phu thuyên-định mới thấy rõ và tiêu diệt được nó thôi.

TUỆ - UYÊN



Vì Sao

Cần thống - nhất

PHẬT - GIÁO VIỆT - NAM

I.- NHẬN XÉT NHỮNG NGUYÊN NHÂN LÀM CHẬM BƯỚC TIẾN CỦA THỐNG-NHẤT.

Đại-hội toàn-quốc của Phật-giáo Việt-Nam, họp tại chùa Từ-Đàm năm 1951, đã đặt nền móng cho sự thống-nhất Phật-giáo Việt-Nam. Điều-lệ của Tổng-hội đã được toàn-thể đại-biểu của Tăng-đồ và tín-đồ Phật-giáo dự thảo chấp-thuận, và được chính-phủ duyệt-y. Tinh-thần thống-nhất đã có. Kế-hoạch thực-hiện cũng đã vạch. Giấy tờ căn - bản hợp lệ cũng đã đủ. Chỉ còn vấn - đề thực - hiện nữa là hoàn - thành. Thật ra, trong mấy năm lại đây, chúng ta không phải không thực - hiện thống - nhất. Chỉ tiếc là chúng ta đã thực-hiện một cách chậm chạp quá!

Những nguyên nhân gì đã làm chậm bước tiến ấy? Có nhiều lý do, mà sau đây là những lý do chính:

1.- **Vấn - đề tâm lý.**— Một số quý-vị lãnh - đạo trong các tập-đoàn của Tổng-hội có tâm-lý rất «Đại - thừa,» nghĩa là không cho là quan-trọng vấn-đề tổ-chức thành đoàn-thể có hệ-thống. Họ nghĩ rằng ngày xưa đức Phật có tổ-chức thành giáo-hội đâu mà đạo Phật vẫn được truyền-bá, bành-trướng mạnh-mẽ cả năm châu. Miễn là mỗi người đều nghĩ đến Phật, đều làm Phật-sự, muôn người như một, triệu người như một, thì không



đoàn-kết mà bằng mười đoàn - kết, không thống - nhất mà bằng mười thống-nhất. Tổ-chức chặt-chẽ làm gì cho thêm hình-thức, thêm việc . . .

2.- Vấn-đề người.— Thêm việc, tức phải thêm người. Số người lãnh đạo được các tập đoàn địa-phương đã không đủ, nay thêm ban quản-trị trung-ương, tất nhiên vấn-đề người làm việc lại phải đặt ra và rất khó giải - quyết. Trước tiên, có người đã quen sống trong hoàn - cảnh của mình, trong nếp sống hằng ngày, nên không muốn rời bỏ cảnh cũ để tập trung vào ban Quản-trị trung-ương, mà trụ-sở có thể là ở Huế hay Sai-gon. Người ở Huế thì không thích vào Sai-gon, người ở Sai-gon lại không thích ra Huế. Vả lại, có nhiều vị trong hàng cư-sĩ hiện đang tòng sự cho chính-phủ, hay đang kinh-doanh thương-mãi hay kỹ-nghệ ở địa phương mình, họ không thể rời bỏ chỗ ở hiện tại để đến làm việc nơi có trụ-sở của ban Quản-trị trung-ương. Vì thế cho nên từ trước đến nay, nhân-viên ban Quản-trị trung-ương đều ở rải-rác mỗi người mỗi nơi, sự trao đổi ý-kiến, hội họp rất là bất-tiện. Đó là nguyên-nhân chính của sự chậm tiến của thống-nhất Phật-giáo Việt-Nam.

3.- Vấn-đề Phật-sự ở các tập đoàn.— Trong khi Phật-sự ở trung-ương chưa phát-triển mạnh, bộ máy điều khiển chưa vững chắc, tất nhiên vì nhu-cầu của tín-tâm người Phật-tử các Phật-sự ở các tập-đoàn cần được tiếp tục, và hơn nữa, vì sự quy ngưỡng Phật-giáo của đồng - bào đang lên mạnh, nên công việc ở các tập-đoàn mỗi ngày mỗi nhiều. Quý vị lãnh đạo trong các tập-đoàn cũng là những ban viên của ban Quản - trị Trung-ương. Khi họ phải lo giải-quyết những vấn-đề cấp-bách của địa-phương mình, tập-đoàn mình mà chưa đủ thời giờ, thì còn thì giờ đâu để nghĩ đến ban Quản-trị Trung-ương?

Trên đây là vài ba nguyên - nhân chính đã làm đình trệ



sự thống-nhất Phật-giáo Việt-Nam. Nhưng có nên vì những nguyên-nhân ấy mà chận đứng sự thống-nhất, mà đành chịu đầu hàng những trở-lực, những chướng ngại trên đường thống-nhất chăng? Tất nhiên là không thể như thế được! Sự thống-nhất có một giá-trị rất cao quý mà dù khó khăn bao-nhiêu chúng ta cũng phải cố vượt qua, dù mua với một giá đắt nào cũng vẫn còn rẻ hơn cái giá mà chúng ta sẽ thu thập được, một khi sự thống-nhất Phật-giáo thực-hiện. Nếu chúng ta đầu hàng những khó khăn hiện tại, nền Phật-giáo nước nhà sẽ còn tiếp tục chịu đựng rất nhiều thiệt hại trong phạm-vi tinh-thần cũng như trong phạm-vi hoàng-dương chính-pháp.

II.- NHỮNG THIẾT HẠI CỦA PHẬT-GIÁO NƯỚC NHÀ TRONG TÌNH TRẠNG HIỆN-TẠI.

1.- Lực-lượng tinh-thần bị chi-phối.— Điều này không nói thì ai cũng đã thấy: Trong thế-giới hiện nay, một sức mạnh tinh-thần bao giờ cũng là một sức mạnh có tổ-chức, có hệ-thống. Nếu không được như thế, thì chưa có thể gọi được là mạnh. Câu chuyện «bó đũa» tuy giản-dị, nhưng vẫn sâu sắc và vẫn còn là một bài học thâm-thúy, có giá-trị cho chúng ta

Trong nội-bộ, sự thống-nhất sẽ gây thêm sức mạnh tinh-thần cho tín-đồ; sẽ làm cho họ vững tâm tu học, tin tưởng rằng mình đang ở trong một tổ-chức lớn lao, có thể đùm bọc che chở mình trong lúc tiến bước trên đường Đạo.

2.- Lực-lượng vật-chất sẽ bị tản mác.— Chùa chiền chúng ta rất nhiều, đất ruộng chúng ta không phải ít. Tín-đồ Phật-giáo Việt-Nam rất đông. Nếu chung góp lại, thì đó là một lực-lượng đáng kể. Nhưng hiện nay, Phật-giáo Việt-Nam vẫn thiếu-thốn, nghèo-nàn về vật-chất; mỗi khi cần đến tài-chánh để thực-hiện một Phật-sự có ích cho Đạo hay cho



đời, chúng ta lại phải chạy quanh, lúng-túng vay mượn, quyền góp một cách khó-khăn, chật-vật.

3.- Những công cuộc thực hiện không thể to tát hoàn bị được, mà có khi còn đâm đạp lên nhau.— Hiện nay tập đoàn nào cũng đang khuyếch-trương công-tác Phật-sự; các ngành chuyên-môn trong mỗi tập-đoàn : Hoàng-pháp, nghi-lễ, Gia-đình Phật-tử, giáo-dục, văn-nghệ, v. v... đều đang tiến mạnh; nhưng chỉ tiến được trong phạm-vi hẹp-hòi của tập đoàn mình mà thôi. Các tập đoàn dù muốn, dù không cũng không thể vượt phạm-vi của mình, vì tài-chánh, nhơn-lực, ý-kiến đều có hạn. Do đó, công-tác thực-hiện khó có thể to-tát, hoàn bị được. Có người cho rằng nếu mọi người, mọi nơi đều nghĩ đến Phật-sự, làm Phật-sự, thì đó là thống-nhất rồi, đó là công tác to nhất. Thật ra vấn-đề không phải giản-dị như thế. Công việc của một người làm dù sao cũng chỉ là của một người. Nó có phạm-vi của nó : Góp bao nhiêu cái nhỏ-nhỏi ấy lại, thì cũng chỉ thành một tổng số những cái nhỏ nhỏ thôi, như góp nhiều hạt cát thì cũng chỉ thành một đồng cát. Điều chúng ta muốn là làm thành những khối đá đồ-sộ với những hạt cát ấy. Như thế tất nhiên không phải chỉ làm một bài toán cộng, mà phải có một kế hoạch chung, một chỉ-huy chung, một sức lực chung; và mỗi người phải bỏ cái phạm-vi riêng của mình mà phục vụ cho cái chung ấy. Một vài thí-dụ cụ-thể nhất, là hiện nay các tập đoàn đều có ban phiên dịch và đang làm việc. Nhưng những việc làm ấy đều đơn-độc, thiếu chương trình, kế hoạch chung, nên mỗi ban có thể dịch trùng một bản với những thiếu sót của mình; trong khi ấy thì có những bản khác cũng dần dịch mà lại chưa ai động đến. Một thí-dụ thứ hai về Gia đình Phật-tử : mỗi nơi đều làm việc, đều gặp những khuyết-điểm giống nhau, hay khác nhau, nhưng vì thiếu liên-lạc, nên những khuyết điểm ấy không được phổ-biến cho nhau biết



